

KHÔNG GIAN VÀ THỜI GIAN NGHỆ THUẬT TRONG TIỂU THUYẾT “GIÔNG TỔ” CỦA VŨ TRỌNG PHỤNG

Phạm Thị Minh Lương^{1*}

¹Khoa Sư phạm, Trường Đại học Hạ Long

* Email: phamthiminhluong@daihochalong.edu.vn

Ngày nhận bài: 10/03/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 08/05/2024

Ngày chấp nhận đăng: 21/05/2024

TÓM TẮT

Trong thi pháp học, không gian và thời gian nghệ thuật là những thành tố có vai trò quyết định sự thành công của tác phẩm. Tìm hiểu không gian và thời gian nghệ thuật không những có giá trị trong nghiên cứu phê bình, góp phần khẳng định, thúc đẩy văn học phát triển mà còn tác động, định hướng, chi phối trực tiếp đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm của người đọc. Vũ Trọng Phụng là một trong những nhà văn hiện thực tiêu biểu trước cách mạng đã có những đóng góp to lớn vào quá trình hiện đại hoá văn học dân tộc. Với biệt tài tạo dựng không gian và thời gian nghệ thuật, tác giả đã khẳng định được giá trị, sức hấp dẫn và sức sống mãnh liệt của tiểu thuyết *Giông tố*.

Từ khóa: *Giông tố, không gian nghệ thuật, tác phẩm, thời gian nghệ thuật, Vũ Trọng Phụng.*

THE ARTISTIC SPACE AND TIME IN THE NOVEL “GIÔNG TỔ” BY VU TRONG PHUNG

ABSTRACT

In poetics, artistic space and time are elements that play a decisive role in the success of a work. Understanding artistic space and time in a work is not only valuable in critical research which contributes to affirming and promoting literary development, but also influences, orients, and dominates the readers' awareness, attitude and emotion directly. Vu Trong Phung was one of the typical pre-revolutionary realist writers who made great contributions to the process of modernizing national literature. Creating artistic space and time with his special talent, Vu Trong Phung affirmed the value, attraction and intense vitality of the novel *Giông tố*.

Keywords: *artistic space, artistic time, Giông tố, Vu Trong Phung, writings.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thi pháp học, không gian và thời gian nghệ thuật là những thành tố có vai trò quan trọng kiến tạo tác phẩm. Không gian và thời gian nghệ thuật không chỉ thể hiện sâu sắc quan niệm nghệ thuật của nhà văn, là chìa

khóa hé mở quá trình vận động, phát triển đa chiều, phức hợp của thế giới và con người trong tác phẩm mà còn hàm chứa các lớp triết lí nhân sinh sâu sắc. Về không gian, thời gian nghệ thuật trong tác phẩm *Giông tố*, đã có khá nhiều nhà khoa học đề cập ở những khía cạnh

và mức độ khác nhau: nhà nghiên cứu Nguyễn Hoành Khung và Nguyễn Đăng Mạnh điểm đến những vấn đề khái quát về không gian, thời gian nghệ thuật (Phan Cự Đệ và cs., 2009); Nguyễn Thành (2001) xác định ba dạng không gian chủ yếu trong tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng: “không gian bối cảnh xã hội, không gian bối cảnh thiên nhiên và không gian tâm lý” và hai hình thức thời gian nghệ thuật cơ bản: “đơn tuyến và đảo tuyến”; Bùi Văn Tiêng (1997) đi sâu nghiên cứu về “đặc điểm thời gian nghệ thuật trong tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng”, trong đó có *Giông tố*... Trong quá trình lý giải thời gian nghệ thuật trong tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng nhìn từ lý thuyết thời gian tự sự theo theo quan điểm G. Genette, Nguyễn Mạnh Quỳnh (2008) cũng nhấn mạnh đến hai kiểu thời gian: “biên niên và phi tuyến tính” và “nhịp điệu làn sóng” của tác phẩm *Giông tố*. Kế thừa những nghiên cứu đi trước, nghiên cứu này đề cập đến phương diện không gian, thời gian nghệ thuật trong tiểu thuyết *Giông tố* của Vũ Trọng Phụng; từ đó nhận diện cuộc sống, thể chế xã hội Việt Nam trước cách mạng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tiếp cận thi pháp học kết hợp tự sự học; tập trung nghiên cứu thi pháp không gian, thời gian nghệ thuật của một văn bản tự sự (tiểu thuyết) nhằm đưa ra một hướng đọc và nghiên cứu tác phẩm *Giông tố* của tác giả Vũ Trọng Phụng.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Không gian nghệ thuật

Không gian và thời gian nghệ thuật là những thành tố có vị trí quan trọng trong cấu trúc nội tại của tác phẩm. Cách nhận thức, chiếm lĩnh, phản ánh, tạo dựng không gian và thời gian nghệ thuật thể hiện rõ cảm quan về thế giới và con người của nhà văn. Bởi vậy, không gian và thời gian nghệ thuật không chỉ thuần túy là sự biểu hiện về mặt hình thức mà là hình thức chứa đựng nội dung, tạo tính đa nghĩa cho tác phẩm. Vì vậy, GS. Trần Đình Sử (2024) đã chỉ rõ bản chất không gian nghệ thuật “là sản phẩm sáng tạo của nghệ sĩ

nhằm biểu hiện con người và thể hiện một quan niệm nhất định về cuộc sống”. Những năm đầu thế kỉ XX, ở Việt Nam, với tài năng chiếm lĩnh, tạo dựng không gian và thời gian nghệ thuật, Vũ Trọng Phụng đã được giới nghiên cứu phê bình đánh giá cao là “nhà tiểu thuyết trác tuyệt của văn học Việt Nam” (Nguyễn Đình Thi, 1955); hay như nhà văn Nguyễn Tuân đã khẳng định dứt khoát vị trí của Vũ Trọng Phụng là “đường hoàng đi vào cõi bất diệt của văn xuôi Việt Nam” (Nguyễn Tuân, 1956).

3.1.1. Không gian bao quát rộng lớn

Trong *Giông tố*, Vũ Trọng Phụng đã chứng tỏ được khả năng nắm bắt, chiếm lĩnh hiện thực ở mức độ rộng lớn, khái quát. Điều này cho thấy sức tưởng tượng phong phú, sắc sảo, độc đáo ở tầm vĩ mô và tính điển hình của không gian nghệ thuật. Không gian có khi được trải dài, nói rộng đến hết biên độ nhưng có lúc lại vô cùng chật hẹp, ngột ngạt, tù đọng. Những mảng hiện thực đa sắc màu trong *Giông tố* được chọn lọc, soi chiếu ở đa chiều cảm thức thời gian khác nhau, đã khái quát cơ bản diện mạo và bản chất xã hội, được nhóm tác giả cuốn *Văn học Việt Nam 1900 – 1945* đánh giá là “xây dựng nên bức tranh toàn cảnh về hiện thực Việt Nam đương thời” (Phan Cự Đệ và cs., 2009). Không gian từ thị thành, trung du, vùng mỏ đến đồng bằng, duyên hải và lên tận biên giới xa xôi... đều được đặc tả chân thực, sinh động và sắc nét, gọi lên lớp các ý nghĩa biểu trưng sâu xa cho tác phẩm.

Bất cứ không gian nào, đặc biệt là không gian thành thị và nông thôn trong *Giông tố* đều thể hiện rõ biệt tài kết hợp cả ba loại hình “không gian bối cảnh xã hội, không gian bối cảnh thiên nhiên và không gian tâm lý” (Nguyễn Thành, 2001). Vì vậy, nhà văn đã thể hiện được đặc địa dụng ý nghệ thuật từ những cách tạo dựng không gian do “đặt được nhiều vấn đề xã hội” (Hà Minh Đức, 2012). Làng Quỳnh Thôn được tập trung soi chiếu ở đa chiều không gian và thời gian nghệ thuật, làm nổi bật được tính điển hình của nông thôn Việt Nam trước cách mạng. Chọn một gam màu xám u ám chủ đạo, tác giả đã

lột tả được cái làng quê nhỏ bé, nghèo xơ xác và tù hãm. Cái làng khá gần trung tâm huyện, cách “chưa đầy mười cây số” mà như vùng sâu xa hẻo lánh, heo hút, gợi cảm giác tối tăm, cổ hủ, trì trệ, đắm chìm nghìn năm xiềng xích phong kiến bảo thủ.

Bát nháo, xô bồ, tập trung nhiều nhất các tệ nạn xã hội là đặc trưng nổi bật của không gian thị thành, nơi có nhiều cam bẫy, bịp bợm, chộp giật, tiềm ẩn nguy cơ tha hóa, băng hoại đạo đức. Về hào nhoáng bên ngoài của văn minh phố thị làm khuất lấp bản chất lố lằng, đồi bại, khiến nhiều người dân lương thiện dễ bị lầm đường sa chân, tha hoá. Cam bẫy thị thành đã lạnh lùng, nghiệt ngã xô đẩy thiếu nữ nhà lành thành ả gái điếm Minh Châu xấu xa, tệ bạc. Đó cũng là nơi tồn tại của những con nghiện bê tha, vật vờ như Vạn tóc mai... Đối lập với tính chất xô bồ, lố lằng đầy cam bẫy của thị thành, không gian trường Đại Việt học hiệu nhỏ bé của thầy giáo Tú Anh có vẻ trong lành, an yên khác lạ.

Không gian nghệ thuật trong *Giông tố* còn được mở hết biên độ tới vùng duyên hải, rừng núi, biên cương xa xôi và vượt ngoài lãnh thổ. Trong không gian đa dạng sắc màu, các tầng lớp xã hội đương thời được đặc tả hết sức chân thực và sinh động. Quan điểm tả thực của Vũ Trọng Phụng – “*Tiểu thuyết là sự thực ở đời*” thực sự hiệu quả khi tập trung miêu tả không gian tư dinh và cái sinh phần sống động của tên địa chủ kiêm tư sản “*phú gia địch quốc*”. Đặc biệt, “*cái ấp tiểu vạn trường thành*” của Tạ Đình Hách chỉ cách trung tâm tỉnh năm cây số là một không gian rộng lớn “*trên một ngọn đồi cao một trăm thước, diện tích ước độ mười mẫu ta*”. Không gian “*tiểu vạn trường thành*” được bóc tách, mở dần từng lớp sâu vào bên trong là những chi tiết có giá trị hiện thực lớn, lên án cuộc sống xa hoa của chủ nhân trọc phú. Tư dinh “*vuông phủ*” vĩ mô, hoành tráng hiện lên bằng giọng ví von cảm phần sắc lạnh: “*ấp tiểu vạn trường thành là một tòa lâu đài hấn hoi*”. Còn ở một khung cảnh khác, cảnh chia li trong đêm tối mịt mùng của bố con Hải Vân ở biên giới duyên hải Móng Cái là một kiểu không gian gợi ấn tượng ám ảnh, mịt mùng về những điều mơ hồ khó lí giải.

3.1.2. Tính điển hình của không gian nghệ thuật

Hiện thực tiểu thuyết *Giông tố* được phản ánh trong tính điển hình tạo không gian nghệ thuật vùng miền đa dạng, sinh động, độc đáo. Sức khái quát khiến không gian nghệ thuật của tác phẩm được GS. Nguyễn Đăng Mạnh (2002) liên tưởng “*gần như toàn bộ xã hội Việt Nam thời Pháp thuộc thu nhỏ*”. Xét trên phương diện không gian nghệ thuật trong các tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỉ XX, nhiều nhà nghiên cứu văn học đương đại đều có chung nhận định *Giông tố* là tác phẩm có quy mô lớn nhất.

Trong *Giông tố*, các mảng không gian nghệ thuật vừa được phản ánh trong tính hiện thực đặc thù, vừa được điển hình hóa sắc nét. Linh hoạt phối kết hợp trong điểm nhìn trần thuật, tác giả đã tạo nên những bức tranh không gian nghệ thuật sống động, đa diện, đa chiều. Điểm nhìn xa, cao đã khái quát bức tranh không gian toàn cảnh thú vị. Đó là không gian sôi động công nghiệp của vùng mỏ Quảng Yên, không gian trầm lắng của vùng chiếu cói Thái Bình, nước mắm Trung Kỳ và không gian mờ mịt vùng duyên hải Móng Cái... Điểm nhìn gần là mảng không gian được tập trung soi chiếu tường tận, cụ thể, sắc nét đến từng chi tiết. Đó là không gian trong lành của Đại Việt học hiệu và ô uế của xóm hát Khâm Thiên. Đó là không gian bê tha, truy lạc rợn người của tiệm hút Mã Mây và nhếch nhác của nhà thương... Yên bình hơn là không gian thiên nhiên trên con đường về làng Quỳnh Thôn và một góc cánh đồng làng đêm trăng. Không gian làng Quỳnh Thôn nghèo, nhỏ bé, tường tận chi tiết đến từng cái nắng, ngọn gió đã chi phối từng hành vi người dân, biểu hiện đậm đặc không khí bảo thủ, tù đọng. Ngột ngạt, bức xúc hơn cả là không gian chật hẹp của tư gia cụ đồ Uẩn. Ở điểm nhìn linh hoạt, vừa cụ thể vừa kết hợp bao quát, người đọc không khỏi bất ngờ trước không gian tư dinh rộng lớn của nhà tư bản Tạ Đình Hách bởi nó đặc trưng, gợi liên tưởng tầm cỡ vương phủ của các “*vuông hầu, khanh tướng*” trong các triều đại phong kiến Trung Quốc. Ngoài ra, chỉ với vài nét chấm phá, nhà văn cũng phác họa tài tình được đặc thù không gian huyện

đường, không gian tư dinh của quan công sứ, quan tổng đốc... Tất cả đã tạo nên thế giới không gian nghệ thuật đa dạng, vĩ mô trong *Giông tố*. Bằng khả năng chiêm lĩnh, phản ánh không gian rộng lớn, bao quát với bốn bề sắc màu biểu trưng chân thực, sinh động, tác phẩm đã thực sự khẳng định được tính đa thanh phức điệu, khái quát diện mạo và bản chất xã hội Việt Nam thực dân phong kiến đương thời.

Với biệt tài kết cấu, Vũ Trọng Phụng đã khiến cho mỗi kiểu không gian nghệ thuật thực sự trở thành một bối cảnh xã hội, môi trường hoạt động tương xứng, phù hợp, hài hoà với từng nhân vật. Trong không gian vĩ mô, nhà văn đã xây dựng được thế giới nhân vật đa dạng, sinh động với số lượng lớn (khoảng hơn tám mươi nhân vật) tương xứng, linh hoạt và phù hợp.

Không gian nghệ thuật được nhà văn đặc biệt coi trọng trong tính điển hình hóa. Nhà văn đã dụng công tạo lập những môi trường, hoàn cảnh có tính bước ngoặt và lấy đó làm liều “thuốc thử” để tính cách nhân vật có cơ hội được bộc lộ, khẳng định. Nguyên tắc này được nhà văn khai thác và xử lý triệt để, đặc biệt thể hiện thành công tính cách đa dạng của nhân vật nhà tư bản Tạ Đình Hách. Bằng khả năng xâu chuỗi logic các sự kiện, Vũ Trọng Phụng đã tạo nên điển hình phản diện bất hủ trong văn học hiện thực Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945. Ngược lại, không gian Đại Việt học hiệu nhỏ bé, trong lành chỉ thực sự phù hợp với sự tận tâm, tận huyết ngày ngày quần quanh với trường, lớp và học sinh của thầy giáo Tú Anh. Đặc tính tù hãm, lạc hậu cố hữu của làng Quỳnh Thôn không thể có không gian nghệ thuật chật hẹp, trì trệ nào phù hợp hơn...

Quả thật, mọi hoạt động đa chiều, hồi hả, sôi động diễn ra bao quanh xung đột giữa các nhân vật đều được nhà văn tạo dựng trong những mảng không gian nghệ thuật giàu tính biểu trưng. Không gian cuộc họp bàn của dân làng Quỳnh Thôn kiện Nghị Hách được bó chặt, khép kín, gợi độ chật hẹp, bức xúc. Không gian tù túng, thời gian như ngưng đọng khiến không khí thêm ngột ngạt, bế tắc

nhằm thể hiện tập trung một vấn đề thời sự nóng hổi, hệ trọng của làng. Không gian huyện đường đại diện cho thể chế xã hội thực dân trong vụ xét xử kiện Nghị Hách “*tà dân*” tưởng oai nghiêm, công minh bỗng chốc thành ra nhỏ bé, tầm thường. Vụ xét xử nhanh chóng kết thúc nhưng trở trêu thay, kẻ thắng kiện không phải nạn nhân mà lại là thủ phạm dân ô, đề tiện. Ở huyện đường, đồng tiền đã thực sự khẳng định được sức chi phối mạnh mẽ, tác oai tác quái làm “*nén bạc đâm toạc tờ giấy*”. Đồng tiền lên ngôi có giá trị và tính quyết định tuyệt đối đến việc “*chạy án*”, khiến trật tự xã hội đảo điên, quay cuồng, náo loạn. Chuỗi sự kiện nhân quả phơi bày rõ bản chất các mối liên hệ diễn ra hết sức logic, tự nhiên từ bên trong hệ thống nhân vật. Vì vậy, *Từ điển văn học* đã khẳng định Vũ Trọng Phụng có “*một bản lĩnh nghệ thuật già dặn của một cây bút tiểu thuyết độc đáo, táo bạo: một bức tranh toàn cảnh rộng lớn về xã hội với những quan hệ chông chéo, phức tạp, những mảng đời sống được miêu tả thật sinh động, những nhân vật giàu sức sống, đạt tới giá trị điển hình sắc sảo*” (Đỗ Đức Hiếu và cs., 1983 – 1984).

3.2. Thời gian nghệ thuật

Thời gian nghệ thuật tồn tại trong tác phẩm thực chất là hình tượng nghệ thuật được gọi lên từ “*các phương tiện nghệ thuật*”. Xét ở góc độ thi pháp học, GS. Trần Đình Sử (2024) khẳng định thời gian nghệ thuật không những là “*sản phẩm sáng tạo của tác giả*” mà còn là “*một biểu tượng, một tượng trưng, thể hiện một quan niệm của nhà văn về cuộc đời và con người*”. Vì vậy, không gian và thời gian nghệ thuật đều mang đậm dấu ấn phong cách cá nhân và quan niệm nghệ thuật của nhà văn.

3.2.1. Cảm quan đặc biệt về thời gian đêm tối

Trong hầu hết các tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng nói chung và tiểu thuyết *Giông tố* nói riêng, cảm quan thời gian nghệ thuật đều mang đậm dấu ấn về sự hiện diện có dụng ý nghệ thuật của mô-típ “*đêm tối*”. Trong *Giông tố*, hình ảnh “*đêm tối*” được sử dụng như một thủ pháp nghệ thuật xâu chuỗi hệ thống sự kiện làm bật lên nhiều sức gợi. Tàn sát các bối cảnh diễn ra trong “*đêm tối*”

là chủ yếu nên nhà nghiên cứu Bùi Văn Tiêng (1997) đã thật có lí khi ví von đó là “*đêm trường Giông tố*”. Khởi đầu là cảnh đêm trắng làng quê vô cùng yên bình bỗng chốc bị phá tan, náo loạn bởi cô con gái nhà lành Thị Mịch gánh rạ đêm chẳng may bị cường hiếp. Kế tiếp sau đó, chuỗi các sự kiện cơ bản gắn kết chặt chẽ biến chứng đường như đều được đặt vào và xảy ra xoay quanh tâm cảnh “*đêm tối*”. Mở đầu và kết thúc tác phẩm, nhà văn đều chọn bối cảnh đêm là một thủ pháp nghệ thuật âm ảnh, hàm chứa nhiều dụng ý nghệ thuật.

Lấy “*đêm tối*” làm tâm điểm chủ đạo tạo không gian, thời gian nghệ thuật, nhà văn đã biểu hiện sinh động, tài tình, khéo léo các mối quan hệ xã hội. Tình huống được đặt trong không gian có tính sự kiện bước ngoặt cũng chỉ nhằm mở ra thời gian để các xung đột diễn ra trong “*đêm tối*” nhằm đặc tả đặc địa hình tượng nghệ thuật và các mối quan hệ chông chéo giữa các nhân vật, từ đó phát lộ được các tầng nghĩa nhằm đối thoại với người đọc, với cuộc đời. Đặc biệt, cả chương IV của tác phẩm, tác giả chỉ xây dựng trung tâm bối cảnh xoay quanh một đêm tối mà bộc lộ được bản chất xun xoe, nịnh bợ quan trên của Nghị Hách; qua đó phơi bày, lên án được thể chế xã hội thực dân nhiều nhương, bát nháo đương thời. Chỉ một đêm đi vòng quanh tỉnh lỵ, Nghị Hách đã lợi dụng bản chất hám của được ẩn giấu kín đáo dưới vẻ ngoài bề vệ, uy nghi của các “*quan tham*”. Kết hợp lợi thế và sức mạnh vượt trội của đồng tiền, nhà tư bản đã lo lót, thiết lập được thứ quan hệ “*mặc cá*” sắc mùi kim tiền có lợi cho đôi bên. Chưa bao giờ và ở đâu, cái nghịch lí bất thành văn về quyền của người có “*quan hệ, tiền tệ*” lại được khẳng định, có thể làm thay đổi, đảo ngược trật tự thể chế xã hội đến vậy. Chương XXIX rất ngắn, cả thấy 11 trang thì có đến 7 trang nhà văn tập trung lấy bối cảnh “*đêm tối*” làm tâm điểm dẫn giải mối quan hệ giữa các nhân vật liên quan. “*Đêm tối*” được lựa chọn làm tâm điểm đã phát lộ được bản chất xảo quyệt, tráo trở, đê tiện của Nghị Hách và cũng đề cập các sự kiện quan trọng nhất trong đời hắn được diễn ra, phơi bày và tự nó có ý nghĩa tố cáo mạnh mẽ. Đó là những

“*đêm tối*” đặc biệt khi Nghị Hách bất ngờ đau đớn nhận ra người bạn cũ Hải Vân, chua chát chứng kiến bà Cả ngoại tình, cay đắng biết được Tú Anh không phải con đẻ... Chân tướng tráo trở, phản thầy, phản bạn của Nghị Hách cũng nhờ đó mà được Hải Vân bóc trần. Tạo sự kiện bất ngờ trở trêu trong các tình huống, tác phẩm vừa có ý nghĩa tạo được những đòn tâm lí thử thách nhân vật Nghị Hách, vừa có dịp phơi bày, lên án được bản chất xấu xa, đê tiện, tráo trở của hắn.

Tần suất dày đặc các sự kiện then chốt diễn ra trong “*đêm tối*” chứng tỏ Vũ Trọng Phụng quan niệm thời gian “*đêm tối*” là một hình tượng nghệ thuật đặc địa bởi tự thân nó đã hàm chứa những lớp triết lí nhân sinh. Điều này không những bộc lộ biệt tài của nhà văn mà còn biểu hiện được dụng ý nghệ thuật sâu sắc, tạo tính hấp dẫn cho tác phẩm. *Từ điển văn học (Bộ mới)* khẳng định *Giông tố* thực sự đã khái quát được diện mạo và bản chất đảo điên của thể chế xã hội thực dân đương thời, “*phản ánh một hiện thực phức tạp, đầy biến động*” (Đỗ Đức Hiểu và cs., 2004).

3.2.2. Nhịp điệu trần thuật hồi hải, khẩn trương

Đọc *Giông tố*, nhiều thể hệ bạn đọc đều đồng thuận với nhận định của GS. Nguyễn Hoàng Khung trong cuốn *Văn học Việt Nam 1900 – 1945: “Nhịp độ vận động... rất khẩn trương, gấp gáp, sự việc diễn biến bất ngờ, đầy kịch tính, gợi ấn tượng sâu về cuộc đời điên đảo, thể sự thăng trầm”* (Phan Cự Đệ và cs., 2009). Các sự kiện trong tác phẩm đều được đặc tả theo cách dồn dập, chông chéo, đan cài nhằm diễn tả vũ điệu quay cuồng, biến thiên của xã hội. Sự kiện được cấu trúc trong tính gấp khúc như chính sự bề bộn, ngổn ngang của cuộc đời làm cho nhân vật ở tình thế bất ngờ, lúng túng đã tạo được những bước ngoặt thay đổi tính cách quan trọng và tạo được các lớp đối thoại thú vị cho nhiều thể hệ bạn đọc.

Khởi phát từ sự kiện Nghị Hách cưỡng hiếp Thị Mịch làm cả gia đình cụ đồ Uẩn và dân làng Quỳnh Thôn náo loạn, hăng hái lao vào vụ kiện; dân làng Quỳnh Thôn hăm hở, tin tưởng trông mong vào quan huyện Cúc Lâm bao nhiêu lại nhanh chóng rơi xuống tận

cùng của hụt hẫng, tuyệt vọng bấy nhiêu, bởi bất ngờ, quan huyện Cúc Lâm bị điều chuyển đi nơi khác. Họ càng không thể ngờ đến cái kết quả xét xử đổi trắng thay đen đầy “*công tâm*” của huyện đường. Thủ phạm thì trắng tráo thẳng kiện, gia đình nạn nhân bị thua kiện thảm hại. Nhịp điệu dồn dập, cứ thế xoay chuyển trong chớp nhoáng. Càng bất ngờ hơn bởi liền sau vụ thua kiện nhục nhã là sự kiện Mịch được Nghị Hách hỏi cưới làm lẽ. Cô thôn nữ hiền lành, lương thiện và bị thua kiện, nay bỗng chốc làm vợ lẽ của chính kẻ đã cưỡng hiếp mình chính là tâm điểm cốt lõi đã lật nhào “*thế sự*”, làm “*đảo điên*” tất cả. Phút chốc, tình thế xoay chuyển nhanh, mở ra chuỗi sự kiện liên tiếp làm đảo lộn số phận nhiều nhân vật liên quan. Sự thay đổi bất ngờ diễn ra nhanh chóng, dứt khoát, rõ ràng, nhất là từ thái độ của ông bà đồ Uẩn, Thị Mịch đến Long và dân làng. Kịch tính ngày càng được đẩy lên cao trào như chính nhịp điệu cuộc sống của xã hội thực dân đương thời đang “*quay cuồng đảo điên đến chóng mặt*” (Nguyễn Đăng Mạnh, 2002).

Chuỗi các sự kiện được thiết lập trong vòng xoáy gấp gáp, khẩn trương đã khiến nhân vật trong các mối quan hệ cũng chóng vánh bị cuốn vào những guồng quay “*đảo điên*” với tốc độ chóng mặt như cướp lấy thời gian. Chiếc xe chở Nghị Hách trong đêm đi bắt ghen bà Cả lao như tên bắn với tốc độ điên cuồng, “*chạy phăng phăng hết tốc lực*”, khiến không gian và thời gian như đặc quánh lại, dự cảm những biến cố đen tối bất ngờ sắp xảy ra trong tư gia Tạ Đình Hách. Cũng chính chiếc xe ấy, đêm tối năm xưa đã hối hả đưa Nghị Hách cuồng cuồng vòng quanh tỉnh lị chỉ trong một đêm để dùng tiền lo lót “*chạy án*”. Long nghe tin người yêu bị cưỡng hiếp, cũng bức xúc, hăm hở, vội vàng lao về làng Quỳnh Thôn an ủi và tích cực giúp gia đình Mịch trong vụ kiện dù có thể mất việc làm, mất nguồn kiếm sống. Tú Anh và Hải Vân cũng cuồng cuồng lao lên biên giới với tốc độ kinh hoàng, “*...đà xe cứ thay đổi từ 60 đến 100 cây mỗi giờ*”. Tiểu thư Tuyết lại càng vội vã, hấp tấp tìm đủ mọi cách nhằm chiếm được con tim yêu của anh Long... Có thể nhận thấy rõ, tính chất phóng sự đan xen

khiến hệ thống các nhân vật đều hoạt động với vũ điệu quay cuồng, hối hả, chưa có dấu hiệu ngừng nghỉ dù chỉ trong chốc lát. Nhịp điệu cứ thế bị “*dồn nén, căng thẳng và đẩy nhanh về điểm chốt*” mới có thể kết thúc (Nguyễn Mạnh Quỳnh, 2019). Tốc độ vận động nhanh chóng của hệ thống nhân vật thực chất chính là nhịp thở gấp gáp, bức xúc, khẩn trương của cả xã hội Việt Nam “*trong cơn giông tố*” trước cách mạng (Nguyễn Đăng Mạnh, 2002).

4. KẾT LUẬN

Cộng hưởng với các yếu tố có vai trò quan trọng của thi pháp học như: cảm quan nghệ thuật về con người, kết cấu, cốt truyện và nghệ thuật trần thuật, không gian và thời gian nghệ thuật có tính quyết định lớn đến thành bại của tác phẩm. Không gian và thời gian nghệ thuật không những gắn bó mật thiết với cảm quan nghệ thuật mà còn chứng tỏ được tài năng kết cấu, xử lý độc đáo của nhà văn Vũ Trọng Phụng ở hệ thống sự kiện trong *Giông tố*. Các dấu hiệu không gian và thời gian nghệ thuật được phát hiện, khám phá và lí giải trong tính chỉnh thể có ý nghĩa đặc biệt, nhằm khẳng định giá trị thực sự tạo nên sức hấp dẫn và sức sống mãnh liệt cho tác phẩm. Tìm hiểu không gian và thời gian nghệ thuật không những có giá trị trong nghiên cứu phê bình, nhằm góp phần khẳng định, thúc đẩy văn học phát triển mà còn tác động, định hướng, chi phối trực tiếp đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm người đọc. Biệt tài tạo dựng không gian và thời gian trong *Giông tố* đã góp phần tạo nên phong cách nghệ thuật độc đáo của nhà văn Vũ Trọng Phụng và biểu hiện rõ nét đặc trưng trào lưu văn học hiện thực Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Văn Tiếu. (1997). *Thời gian nghệ thuật trong tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng*. Hà Nội: Nxb Văn hóa.
- Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi & Phùng Văn Tửu. (1983 - 1984). *Từ điển văn học*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.

- Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu & Trần Hữu Tá. (2004). *Từ điển văn học (Bộ mới)*. Hà Nội: Nxb Thế giới.
- Hà Minh Đức. (2012). *Vũ Trọng Phụng - Tài năng và thời cuộc*. Truy cập ngày 02/11/2024, từ Báo điện tử Công an Nhân dân: <https://cand.com.vn/Tu-lieu-van-hoa/Vu-Trong-Phung-Tai-nang-va-thoi-cuoc-i331220/>
- Nguyễn Đăng Mạnh. (2002). *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn (Tái bản lần thứ ba)*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Nguyễn Đình Thi. (1955). Nhất lãm về văn học Việt Nam. *Tờ Văn học Xô-viết (Xuất bản tiếng Pháp)*, Số 09-1955.
- Nguyễn Mạnh Quỳnh. (2008). *Tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng nhìn từ lý thuyết thời gian tự sự của G. Genette*. [Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội].
- Nguyễn Mạnh Quỳnh. (2019). *Nhịp điệu kể chuyện trong tiểu thuyết “Giông tố” của Vũ Trọng Phụng*. Truy cập ngày 12/11/2023, từ Tạp chí điện tử Văn nghệ Ninh Bình: <https://vannghe.ninhbinh.gov.vn/nghien-cuu/nhip-dieu-ke-chuyen-trong-tieu-thuyet-giong-to-cua-vu-trong-phung-87.html>
- Nguyễn Thành. (2001). *Tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng* [Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia, Hà Nội].
- Nguyễn Tuân. (1956). Đọc lại truyện Giông tố. *Báo Nhân dân*, Số 966, ngày 27/10/1956.
- Phan Cự Đệ, Trần Đình Hượu, Nguyễn Trác, Nguyễn Hoành Khung, Lê Chí Dũng & Hà Văn Đức. (2009). *Văn học Việt Nam 1900 - 1945 (Tái bản lần thứ mười hai)*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Trần Đình Sử. (2024). *Dẫn luận thi pháp học văn học*. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm.